

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/DS-ST

Ngày 30-9-2022.

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản
và mua bán tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nụ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hoàng Sơn.
2. Ông Nguyễn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST-DS, ngày 06 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2022/QĐXXST-DS ngày 29/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/QĐST-DS ngày 14/9/2022 giữa:

1, *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1984. Nơi cư trú: T14, thị trấn ED, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2, *Bị đơn:* Ông Lê Công Ng, sinh năm 1959. Nơi cư trú: T6B, xã CM, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3, *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị H – sinh năm 1961. Nơi cư trú: T6B, xã CM, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Vào ngày 12/9/2020 ông Lê Công Ng có mượn của ông Tr số tiền 119.000.000 đồng (*Một trăm mười chín triệu đồng*), hẹn đến ngày 30/12/2020 sẽ trả, khi vay tiền không thỏa thuận về lãi suất. Ông Ng đã trả cho ông Tr được 32.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 21/01/2021 trả 17.000.000 đồng và ngày 26/01/2021 trả 15.000.000 đồng.

Hiện ông Ng còn nợ ông Tr số tiền 87.000.000 đồng (*Tám mươi bảy triệu đồng*). Ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Công Ng phải trả số tiền 87.000.000 đồng và lãi suất chậm trả đối với số tiền nêu trên theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 30/12/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Ngoài ra, trong quá trình kinh doanh phân bón, ông Lê Công Ng có mua nợ phân bón của ông Tr, đến ngày 20/11/2020 hai bên đối chiếu công nợ, ông Lê Công Ng đã ký xác nhận nợ của ông Tr số tiền 373.370.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*). Ông Ng hẹn trả số tiền nêu trên vào ngày 20/12/2020. Đến nay, ông Ng vẫn không trả có ông Tr bất cứ số tiền nào theo thỏa thuận.

Ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Công Ng phải trả cho ông Tr số tiền 373.370.000 đồng và lãi suất chậm trả đối với số tiền nêu trên theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 20/12/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Tổng cả 02 khoản nợ gốc: $373.370.000đ + 87.000.000đ = 460.370.000đ$.

Đối với số tiền 460.370.000 đồng mà ông Lê Công Ng còn nợ của ông Tr thì không liên quan đến bà Võ Thị H (vợ của ông Ng). Do đó, ông Tr không yêu cầu bà H phải cùng ông Ng trả nợ cho ông Tr.

Ngày 14/9/2022 ông Nguyễn Văn Tr xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ng phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền 460.370.000 đồng.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Công Ng trình bày:**

1. Đối với số nợ 119.000.000 đồng được xác lập vào ngày 12/9/2020 thì ông Ng thừa nhận chữ ký, ghi rõ họ tên Lê Công Ng trong giấy xác nhận ngày 12/9/2020 về số tiền 119.000.000 đồng là do ông Ng ký và ghi rõ họ tên Lê Công Ng, còn nội dung giấy xác nhận này do ông Nguyễn Văn Tr viết.

Lý do mà ông Ng ký và ghi rõ họ tên Lê Công Ng trong giấy xác nhận ngày 12/9/2020 về số tiền 119.000.000 đồng là vì ông Nguyễn Văn Tr chuyển tiền cho bà Huỳnh Thị Cẩm L để nhận quà, ông Tr đã sử dụng tài khoản của ông Tr nhưng lấy tên của ông Ng để chuyển số tiền 25.011.000 đồng cho bà Huỳnh Thị Cẩm L

vào ngày 21/9/2020 và số tiền 82.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị Cẩm L vào ngày 21/8/2020 tại Ngân hàng để nhận quà. Tổng cộng, ông Tr đã chuyển cho bà L 107.000.000 đồng, ông Tr đã tính các chi phí khác thành tổng số tiền 119.000.000 đồng.

Sau đó, ông Tr nói với ông Ng là ông Tr bị lừa tiền nên ông Tr mới nhờ ông Ng ký vào giấy xác nhận ngày 12/9/2020 nói ông Ng còn nợ ông Tr số tiền 119.000.000 đồng để đưa cho vợ ông Tr, khỏi vợ chồng ông Tr cãi nhau, nên ông Ng mới ký vào giấy tờ này.

Nay ông Tr yêu cầu ông Ng phải trả số tiền 119.000.000 đồng, thì ông Ng không đồng ý trả số tiền 119.000.000 đồng cho ông Tr.

2. Đối với số nợ 373.370.000 đồng được xác lập vào ngày 20/11/2020 thì ông Ng thừa nhận chữ ký, ghi rõ họ tên Lê Công Ng trong giấy xác nhận ngày 20/11/2020 về số tiền 373.370.000 đồng là do ông Ng ký và ghi rõ họ tên Lê Công Ng, còn nội dung giấy xác nhận này do ông Nguyễn Văn Tr viết.

Ông Ng thừa nhận ông Ng có nợ tiền mua bán phân bón của ông Tr là 373.370.000 đồng như nội dung giấy xác nhận nợ lập vào ngày 20/11/2020.

Tuy nhiên, trong tổng số nợ 373.370.000 đồng thì ông Ng đã trả cho ông Tr được tổng số tiền 144.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 28/12/2018 trả 21.000.000 đồng;

Ngày 12/01/2019 trả 60.000.000 đồng;

Ngày 26/12/2019 trả 14.000.000 đồng;

Ngày 10/01/2020 trả 23.000.000 đồng;

Ngày 13/01/2020 trả 6.000.000 đồng;

Ngày 11/3/2020 trả 20.000.000 đồng.

Có các giấy trả tiền vào các ngày nêu trên đã nộp tại Tòa án và giấy ủy nhiệm chi, giấy nộp tiền tại Ngân hàng, nhưng ông Tr không trừ vào số tiền 373.370.000 đồng.

Ngoài ra, khi ông Ng lấy phân bón của ông Tr thì về có giao lại cho ông Nguyễn Văn Tiên. Địa chỉ: Thôn 1, xã Cư Mốt, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk để ông Tiên bán cho dân, ông Tr đã gặp ông Tiên để lấy số tiền 106.000.000 đồng mà ông Tiên bán phân cho ông Ng, nhưng lại không khấu trừ vào số tiền 373.370.000 đồng của ông Ng đã nợ ông Tr. Do đó, ông Tr phải trừ đi số tiền 106.000.000 đồng đã lấy của ông Tiên.

Mặt khác, ông Ng còn trả nhiều khoản tiền trong số nợ 373.370.000 đồng được ông Tr ghi trong sổ theo dõi của ông Tr, yêu cầu ông Tr cung cấp cho Tòa án, để hai bên đối chiếu lại với nhau, còn lại bao nhiêu thì ông Ng sẽ trả cho ông Tr và

hiện nay ông Tr chưa cung cấp các giấy tờ về việc ông Ng đã trả nợ cho ông Tr trong tổng số nợ 373.370.000 đồng.

Vì vậy, ông Ng thừa nhận hiện nay ông Ng chỉ còn nợ của ông Tr số tiền 123.000.000 đồng trong tổng số tiền 373.370.000 đồng, nên ông Ng đồng ý trả cho ông Tr số tiền 123.000.000 đồng.

Do số phân bón ông Tr đưa cho ông Ng bán lại cho người dân thì người dân còn nợ của ông Ng, nên ông Ng không có tiền để trả cho ông Tr, khi nào thu nợ được từ người dân thì ông Ng sẽ trả cho ông Tr.

Việc mua bán phân bón giữa ông Tr và ông Ng với nhau, không liên quan đến bà Võ Thị H (vợ ông Ng), nên ông Ng sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ông Tr.

** Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H trình bày:*

Bà H không biết việc mua bán phân bón giữa ông Tr và ông Ng như thế nào, nên bà H không đồng ý cùng ông Ng trả nợ cho ông Tr về số tiền mà ông Tr đang khởi kiện ông Ng tại Tòa án. Bà H từ chối tham gia tố tụng và không có tài liệu chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và giải quyết vụ án Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng và đại diện nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 119, 357, 430, 434, 440, 463 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr.

1. Buộc ông Lê Công Ng phải trả cho ông Nguyễn Văn Tr số tiền 460.370.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 460.370.000 đồng theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bị đơn ông Lê Công Ng được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Công Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, HĐXX xét thấy:

[3.1]. Đối với hợp đồng vay tài sản:

Vào ngày 12/9/2020 ông Lê Công Ng có mượn của ông Nguyễn Văn Tr số tiền 119.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/12/2020 sẽ trả, khi vay tiền không thỏa thuận về lãi suất. Ông Ng đã trả cho ông Tr được 32.000.000 đồng (Ngày 21/01/2021 trả 17.000.000 đồng và ngày 26/01/2021 trả 15.000.000 đồng). Ông Tr yêu cầu ông Lê Công Ng phải trả số tiền 87.000.000 đồng và lãi suất chậm trả đối với số tiền nêu trên theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 30/12/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc. Ông Ng không đồng ý trả cho ông Tr số tiền 119.000.000 đồng.

Xét các tài liệu chứng cứ mà ông Tr cung cấp và sự thừa nhận của ông Lê Công Ng về chữ ký và chữ viết tại giấy xác nhận ngày nợ 12/9/2020 về số tiền 119.000.000 đồng là của ông Ng. Việc ông Ng cho rằng, ông Ng ký giúp ông Tr để ông Tr về nói với vợ ông Tr nhưng không được ông Tr thừa nhận. Xét ông Ng ký vào giấy xác nhận ngày 12/9/2020 còn nợ của ông Tr số tiền 119.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị đe dọa nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong tổng số tiền 119.000.000 đồng, ông Tr xác nhận ông Ng đã trả được 32.000.000 đồng nợ gốc (BL 15) thể hiện: Ngày 21/01/2021 trả 17.000.000 đồng và ngày 26/01/2021 trả 15.000.000 đồng, nên hiện còn nợ lại 87.000.000 đồng. Vì vậy, cần buộc ông Ng phải tiếp tục trả số tiền nợ gốc còn lại là 87.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông Ng đã cung cấp giấy nộp tiền mang tên Lê Công Ng vào ngày 21/9/2020 số tiền 25.011.000 đồng, người nhận

tiền là Huỳnh Thị Cẩm L và Ủy nhiệm chi ngày 21/8/2020 khánh hàng trả tiền: Nguyễn Văn Tr; Người thụ hưởng: Huỳnh Thị Cẩm L số tiền 82.000.000 đồng; Nội dung: Lê Công Ng chuyển khoản tiền phí ghi hàng sân bay. Xét các tài liệu chứng cứ do ông Ng cung cấp không được ông Tr thừa nhận và cũng không có căn cứ để chứng minh về sự lừa dối, nên không có cơ sở xem xét.

[3.2]. Đối với hợp đồng mua bán tài sản:

Ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Công Ng phải trả cho ông Tr số tiền 373.370.000 đồng và lãi suất chậm trả đối với số tiền nêu trên theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 20/12/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Ông Ng thừa nhận có nợ ông Tr số tiền 373.370.000 đồng như nội dung giấy xác nhận nợ lập vào ngày 20/11/2020. Tuy nhiên, việc ông Ng cho rằng đã trả cho ông Tr được số tiền 250.370.000 đồng, nên chỉ còn nợ lại 123.000.000 đồng. Vì vậy, ông Ng chỉ đồng ý trả cho ông Tr số tiền 123.000.000 đồng.

Xét các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện:

* Đối với việc ông Ng cho rằng đã trả cho ông Tr số tiền 144.000.000 đồng.

Tại Sổ đại lý (BL 37-44) do ông Nguyễn Văn Tr cung cấp về việc mua bán phân bón với ông Lê Công Ng thể hiện:

- *Số nợ còn lại của năm 2018, tính đến ngày 19/10/2018 ông Ng còn nợ ông Tr số tiền 247.960.000 đồng.*

Ông Ng đã trả cho ông Tr 115.500.000 đồng (BL 39 - BL 40) cụ thể:

Ngày 28/12/2018 trả 21.000.000 đồng;

Ngày 12/01/2019 trả 60.000.000 đồng;

Ngày 26/01/2019 trả 26.500.000 đồng;

Ngày 20/3/2019 trả 8.000.000 đồng;

Còn nợ lại: 132.460.000 đồng.

- *Số nợ còn lại của năm 2019, tính đến ngày 30/8/2019 ông Ng còn nợ ông Tr số tiền 238.350.000 đồng.*

Ông Ng đã trả cho ông Tr 47.640.000 đồng (BL 43) cụ thể:

Ngày 30/8/2019 trả 4.640.000 đồng;

Ngày 26/12/2019 trả 14.000.000 đồng;

Ngày 10/01/2020 trả 23.000.000 đồng;

Ngày 13/01/2020 trả 6.000.000 đồng;

Còn nợ lại: 190.710.000 đồng.

Như vậy, tổng số nợ còn lại của năm 2018 và 2019 (BL 44) là: 132.460.000 đồng + 190.710.000 đồng = 323.170.000 đồng.

Tại Giấy xác nhận công nợ ngày 20/11/2020 (BL 44), ông Tr và ông Ng đã thống nhất trong tổng số nợ còn lại của năm 2018 và 2019 là 323.170.000 đồng,

nhưng ông Ng chưa trả lãi suất cho ông Tr, nên ông Ng đồng ý trả cho ông Tr 50.200.000 đồng tiền lãi suất của năm 2018, 2019. Vì vậy, ông Ng đã ký xác nhận còn nợ của ông Nguyễn Văn Tr số tiền 373.370.000 đồng.

Như vậy, số tiền ông Ng cho rằng đã trả cho ông Tr, nhưng không được ông Tr trừ vào tổng số tiền còn nợ số tiền 373.370.000 đồng là không đúng. Vì số tiền này đã được trừ trong số nợ còn lại của từng năm, trước khi hai bên chốt nợ vào ngày 20/11/2020.

* Đối với việc ông Ng cho rằng đã trả cho ông Tr số tiền 106.000.000 đồng từ ông Nguyễn Văn Tiên nhưng không được ông Tr khấu trừ trong tổng số tiền 373.370.000 đồng.

Tại Sổ đại lý (BL 45-46) do ông Nguyễn Văn Tr cung cấp về việc mua bán phân bón với ông Đinh Văn Tiên (không phải là ông Nguyễn Văn Tiên) thể hiện việc mua bán giữa ông Tr và ông Tiên không liên quan đến ông Ng, ông Ng cũng không có tài liệu chứng cứ hay yêu cầu gì để chứng minh cho ý kiến của ông Ng là có căn cứ, nên không có cơ sở để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ng yêu cầu được đối chiếu lại công nợ với ông Tr và được ông Tr đồng ý. Tại biên bản làm việc ngày 05/7/2022, Tòa án yêu cầu các đương sự đối chiếu lại công nợ với nhau vào ngày 20/7/2022, nhưng hai bên không thực hiện.

Như vậy, xét việc mua bán tài sản giữa ông Tr và ông Ng hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Xét các tài liệu chứng cứ do ông Tr cung cấp và sự thừa nhận của ông Ng về còn nợ của ông Tr số tiền 373.370.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi xác nhận nợ cho đến nay, ông Ng vẫn chưa trả nợ cho ông Tr số tiền còn nợ theo thỏa thuận, nên ông Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Tr buộc ông Ng phải trả số tiền 373.370.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với số tiền 460.370.000 đồng mà ông Lê Công Ng còn nợ của ông Tr thì không liên quan đến bà Võ Thị H (vợ của ông Ng). Vì trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tr và ông Ng đều cho rằng không liên quan đến bà H và cũng không yêu cầu bà H phải cùng ông Ng trả nợ cho ông Tr, nên không đề cập xem xét.

[3.3]. Về lãi suất. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không yêu cầu ông Ng phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền 460.370.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 460.370.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên

buộc bị đơn ông Lê Công Ng phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật, cụ thể: 460.370.000 đồng x 5% = 23.018.500 đồng.

Tuy nhiên, do ông Lê Công Ng là người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ 23.018.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr 11.509.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H' Leo, theo biên lai số 60AA/2021/0000766, ngày 06 tháng 4 năm 2022.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 119, 430, 433, 434, 440, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr.

1. Buộc ông Lê Công Ng phải trả cho ông Nguyễn Văn Tr số tiền 460.370.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 460.370.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bị đơn ông Lê Công Ng được miễn toàn bộ 23.018.500 đồng đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm mười tám nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr 11.509.000 đồng (*Mười một triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H' Leo, theo biên lai số 60AA/2021/0000766, ngày 06 tháng 4 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'leo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nụ